TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/DS-PT
Ngày : 03 - 4 - 2025
V/v Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLPT – DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2025/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2025/QĐPT-DS ngày 14 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1973; địa chỉ: khóm F, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1963 (có mặt).

2.2. Bà Đỗ Thị Kim E, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm F, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Trần Văn Ú

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Ú trình bày:

Ông là chủ sử dụng thửa đất số 3, diện tích 6.960,1m2, loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa số 8, diện tích 522,2m2, loại đất trồng cây lâu năm, 02 thửa đất này liền kề với nhau, cùng tọa lạc khóm F, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. G liền kề với thửa số 3 và thửa số 8 là đất của ông Trần Văn P bao gồm các thửa đất 164, 143, 137.

Nguồn gốc các thửa đất trên là cho cha mẹ tặng cho. Lúc sinh thời cha mẹ có mở lối dẫn nước cập đường công cộng để thuận tiện cho việc canh tác các thửa đất. Đầu năm 2022, khi ông P chuẩn bị chuyển nhượng thửa đất số 137 cho người khác thì ông Ú có yêu cầu ông Phu C lại đường dẫn nước chiều ngang 01 mét qua các thửa đất 164, 143, 137 nhưng ông P không đồng ý nên ngày 24/3/2022 ông Ú nộp đơn tranh chấp lối dẫn nước qua thửa đất 137 tại UBND thị trấn C, sau đó ông Ú tiếp tục nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mang Thít tranh chấp về quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác qua thửa đất 137.

Tại thời điểm Tòa án đang giải quyết tranh chấp lối dẫn nước qua thửa 137 thì hiện trạng kênh dẫn nước qua thửa 137 vẫn còn dẫn nước bình thường đến tháng 5/2022 phía Bị đơn (vợ chồng ông P) lấp kênh đẫn nước cặp 02 thửa đất 143 và 164, khi lấp phía bị đơn có đặt ống bọng đường kính khoảng 0,3 mét đến ngày 30/01/2024 thì phía bị đơn mới đào kênh công cộng cặp 02 thửa đất 143 và 164 trả lại hiện trạng kênh dẫn nước như ban đầu.

Thửa đất số 3 của ông Ú canh tác 01 năm trồng 03 vụ lúa hoặc 04 vụ dưa hấu, thửa đất số 8 ông Ú trồng bưởi. Thu nhập trung bình từ thửa số 3 và thửa số 8 là 5.000.000 đồng/1000m2/năm. Trong thời gian phía bị đơn lấp kênh công cộng chỉ đặt ống bọng đường kính 0,3 mét không dẫn đủ nước để ông Ú canh tác 02 thửa đất số 3 và số 8, nên ông Ú phải thuê đất của người khác để canh tác. Từ việc bị đơn lấp kênh công cộng đã gây ra thiệt hại cho ông Ú, tính từ đầu năm 2022 đến đầu năm 2024 là 02 năm mức thiệt hại là 5.000.000 đồng/1000m2/năm x 7.482,3m2 x 02 năm = 74.823.000 đồng.

Do đó, ông Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Trần Văn P và bà Đỗ Thị Kim E phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ú số tiền thiệt hại mất thu nhập nông nghiệp là 74.823.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn P, bà Đỗ Thị Kim E và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ông P là chủ sử dụng các thửa đất 164, 143 và 137 giáp ranh với thửa đất số 3 và thửa đất số 8 của ông Ú, các thửa đất cùng tọa lạc tại Khóm F, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vào tháng 5/2022 ông Ú có tranh chấp về quyền tưới nước, tiêu nước trong canh tác với ông P và bà E qua thửa đất 137. Tại thời điểm Tòa án đang giải quyết tranh chấp lối thoát nước qua thửa 137 thì hiện trạng không có kênh dẫn nước qua thửa 137, thửa 137 giáp với đường công cộng. Trong thời gian đang tranh chấp (không nhớ ngày nào) bà E và ông P có lấp đất công cộng và đặt ống bọng cặp theo 02 thửa đất 143 và 164 để làm lối đi từ nhà ông P ra đường công cộng, đường kính ống bọng khoảng 0,3 mét đủ để dẫn nước phục vụ cho ông Ú tưới tiêu trong canh tác. Đến ngày 30/01/2024 thực hiện theo văn bản số 24/UBND ngày 06/11/2023 của UBND thị trấn C thì ông P và bà E đào phần đất công cộng cặp 02 thửa 143 và 164 trả lại hiện trạng như ban đầu để ông Ú tự đặt bọng. Các thửa đất của ông P và bà E tiếp giáp đường giao thông không tiếp giáp kinh (rạch) công cộng. Việc ông Ú thiếu nước sản xuất hoặc không thoát nước được là do ông Ú không tự đặt bọng để dẫn nước, không do lỗi của ông P và bà E.

Theo bản án sơ thẩm số 80/2022/DSST, ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít nhận định: ông Ú có đường dẫn nước và thoát nước khác thuận tiện hơn, ngắn hơn, ít gây thiệt hại cho ông P và bà E. Các thửa đất của ông Ú trước đó lưu thông dẫn nước từ nhiều khu vực khác để sử dụng canh tác chứ không riêng gì qua các thửa đất của ông P, lối dẫn nước qua các thửa đất của ông P không phải là lối dẫn nước chính để ông Ú canh tác, việc ông Ú không canh tác các thửa đất của ông Ú không phải do thiếu nước. Do đó, ông Ú không có thiệt hại gì. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Ú thì bà E và ông P không đồng ý bồi thường.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít đã xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Ú về việc yêu cầu ông Trần Văn P và bà Đỗ Thị Kim E có trách nhiệm bồi thường cho ông Ú số tiền thiệt hại do mất thu nhập nông nghiệp là 74.823.000 đồng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí,

quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 27/12/2024 ông Trần Văn Ú có đơn kháng cáo, yêu cầu buộc ông Trần Văn P và bà Đỗ Thị Kim E phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 74.823.000đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Ú vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, ông P và bà E không chấp nhận kháng cáo của ông Ú.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ú, giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông Ú phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Ngày 16/12/2014 Tòa án nhân dân huyện Mang Thít tuyên án sơ thẩm đến ngày 27/12/2024 bị đơn ông Trần Văn Ú có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung.

[2.1] Ông Trần Văn Ú là chủ sử dụng 02 thửa đất liền kề gồm: thửa số 3, diện tích 6.960,1m2, loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa số 8, diện tích 522,2m2, loại đất trồng cây lâu năm cùng tờ bản đồ số 15, xã C (nay là thị trấn C), huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Ông Trần Văn P là chủ sử dụng 02 thửa đất liền kề gồm: thửa 143 và thửa 164. Thửa đất số 3 của ông Ú giáp ranh với thửa đất 164 của ông P, cả 03 thửa số 3, 143 và 164 đều nằm cặp đất giao thông (lộ công cộng) do UBND thị trấn C quản lý.

Ông Ú cho rằng năm 2022 khi vợ chồng ông P bà E lấp phần đất công cộng tại vị trí giáp thửa 143 và 164 để làm lối đi từ nhà ông P ra đường công cộng tuy có đặt ống bọng trong lòng đất để dẫn nước nhưng vì đường kính ống bọng quá nhỏ chỉ bằng 0,3m nên hạn chế dòng nước chảy vào 02 thửa đất số 3 và số 8 của ông Ú, dẫn đến không canh tác được gây thiệt hại cho ông Ú do bị mất thu nhập trong 02 năm bằng số tiền 74.823.000đ, nên yêu cầu vợ chồng ông P bồi thường.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại văn bản số 24/UBND, ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn C trả lời đơn của ông Ú về việc ông yêu cầu mở lối thoát nước qua phần đất công cộng diện tích 75,5m2 (tại vị trí giáp thửa 164 mà của ông Phu lấp đất làm lối đi) để canh tác ruộng lúa của ông (thửa số 3) có nội dung: "Căn cứ theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy ghi nhận phần diện tích 75,5m2 là đất giao thông do UBND thị trấn C quản lý. Qua khảo sát hiện trạng trên phần đất công cộng (diện tích 75,5m2), hiện tại hộ ông Trần Văn P và bà Đỗ Thị Kim E có đặt bọng cho hộ ông Ú thoát nước chiều dài 12m, đường kính 0,3m. Phần mặt đường hộ ông Phu cán bê tông để làm lối đi ra đường giao thông, vì đây là lối đi duy nhất của hộ ông P đi ra đường công cộng. Mặt khác, đây là đất giao thông phục vụ việc đi lại cho nhân dân trong vùng chứ không phải đất kinh, rạch phục vụ tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, để đảm bảo việc tưới tiêu, thoát nước trong sản xuất nông nghiệp thì hộ ông Ú được quyền thay bọng khác có kích thước tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng của gia đình ông. Đồng thời sau khi ông Ú lấp xong ống bọng, ông Ú có trách nhiệm san lấp lại mặt bằng trả lại hiện trạng ban đầu để tạo điều kiện cho hộ ông P có lối đi ra đường giao thông".

Vị trí vợ chồng ông Phu L đất để làm lối đi từ nhà của ông P ra đường công cộng là đất giao thông phục vụ cho việc đi lại của người dân, không phải kinh công cộng dẫn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nhưng để bảo đảm cho ông Ú canh tác phần đất phía trong thì gia đình ông P vẫn có đặt ống bọng để dẫn nước vào đất của ông Ú, ông Ú cũng thừa nhận điều này. Nếu ông Ú cho rằng, đường kính ống bọng ông P đặt nhỏ không đủ lượng nước bảo đảm sản xuất nông nghiệp thì ông Ú xin ý kiến chính quyền địa phương cho ông đặt ống bọng lớn hơn hoặc nạo vét khơi thông dòng chảy để bảo đảm cho việc sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả, nhưng ông Ú không thực hiện. Việc ông Ú không canh tác các thửa đất số 3 và số 8 của ông mà đi thuê đất của người khác để canh tác không phải do lỗi của vợ chồng ông P. Hành vi lấp đất công cộng để làm lối đi

của vợ chồng ông P không phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại cho ông Ú. Ngoài ra, ông Ú cũng không chứng minh được có thiệt hại thực tế xảy ra.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông Ú đòi bà E và ông P bồi thường thiệt hại là đúng quy định.

Từ những căn cứ trên, xét kháng cáo của ông Ú không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người kháng cáo (ông Ú) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Ú.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 75/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Căn cứ các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn Ú về việc: Yêu cầu bị đơn Trần Văn P và Đỗ Thị Kim E có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn Ú số tiền thiệt hại do mất thu nhập nông nghiệp là 74.823.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn Ú chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006174 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Ông Ú đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VP TAND tỉnh VL;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự; Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi